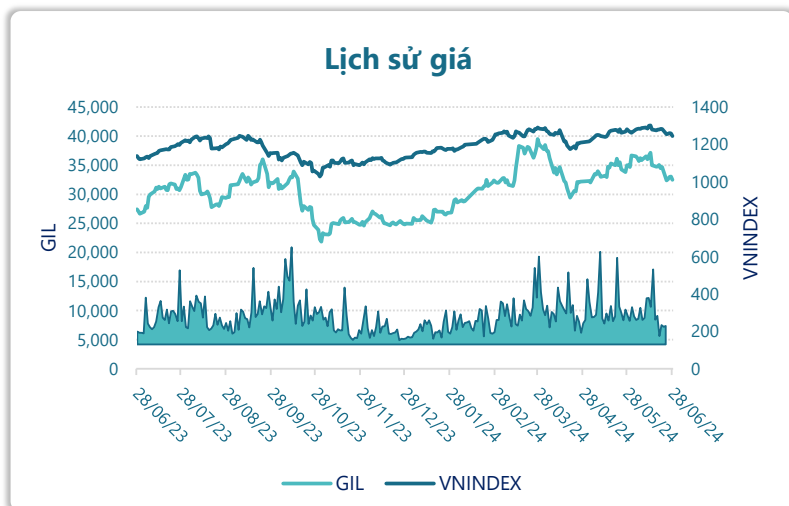


CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (HSX: GIL)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	32,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,850
SL cổ phiếu LH	69,949,286
KLGD BQ 20 phiên (CP)	829,590
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,273
P/E	27.7
EPS	1,174

DT thuần
Q2/24

145

tỷ VNĐ

QoQ: ▼76.0| -34.4%

YoY: ▼124| -46.1%

LN sau thuế
Q2/24

4.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.55| -35.3%

YoY: ▲ 10.0| 187%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24

7.4%

+/- YoY: ▲ 6.4%

DT thuần
6T 2024

367

tỷ VNĐ

YoY: ▼59.0| -13.9%

LN sau thuế
6T 2024

11.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.9| 127%

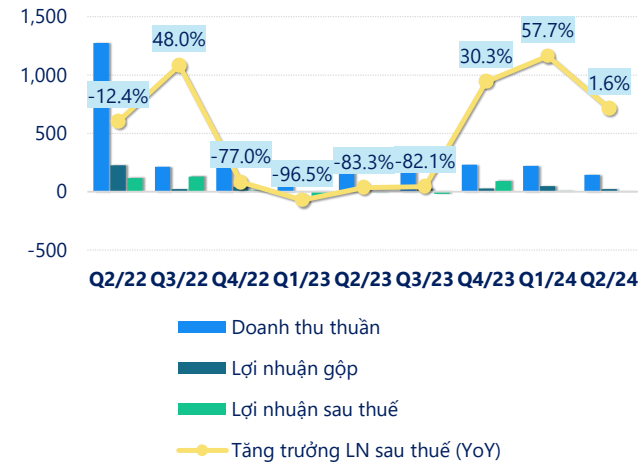
ROE
Q2/24

3.3%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

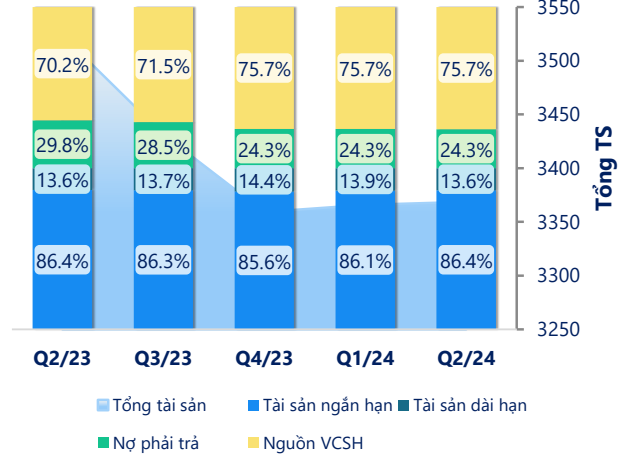
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

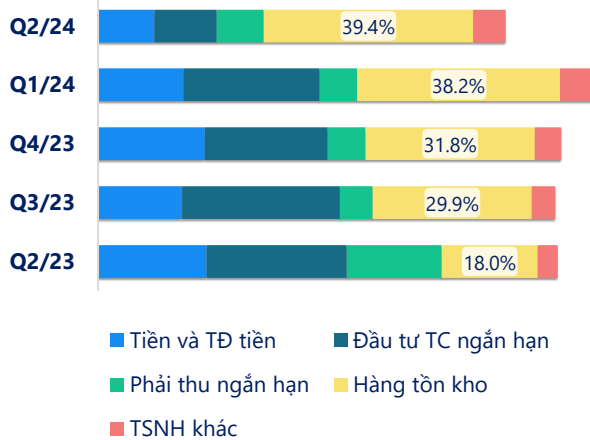
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



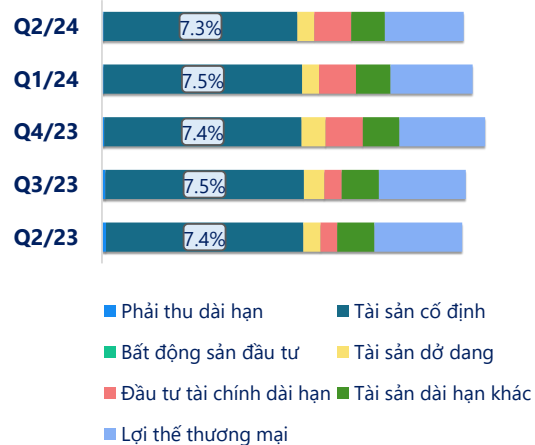
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

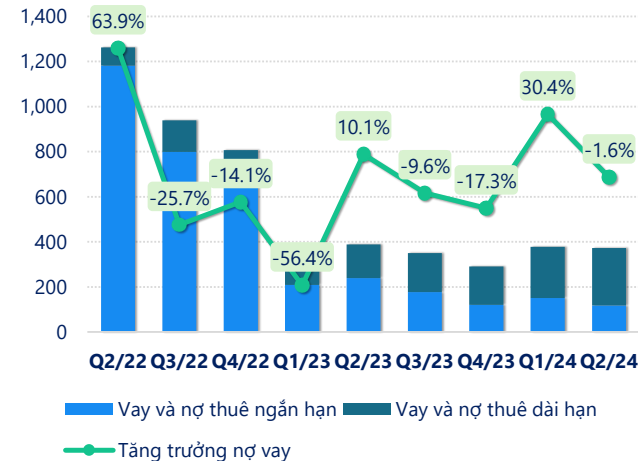
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

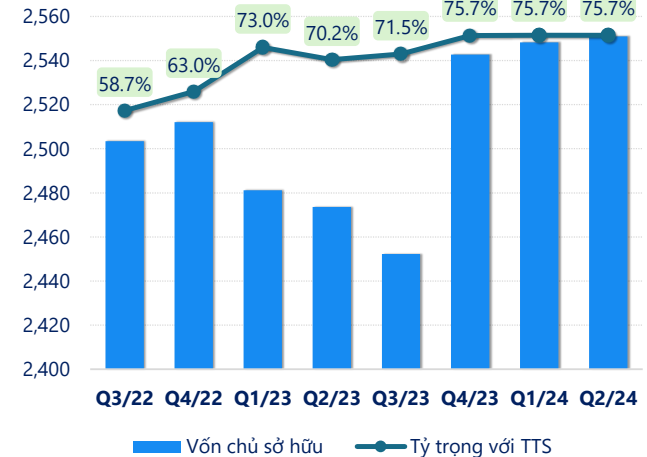
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

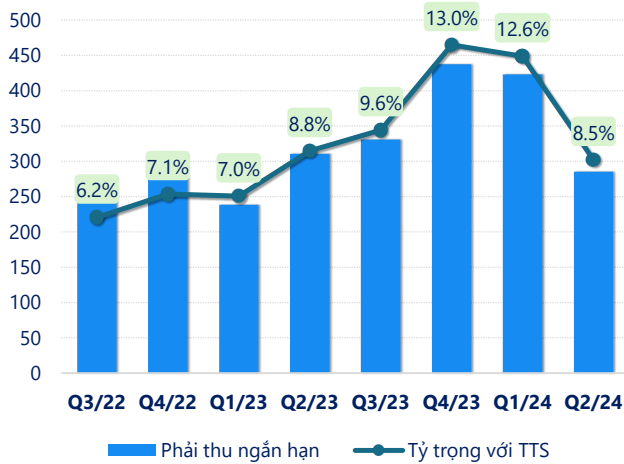
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



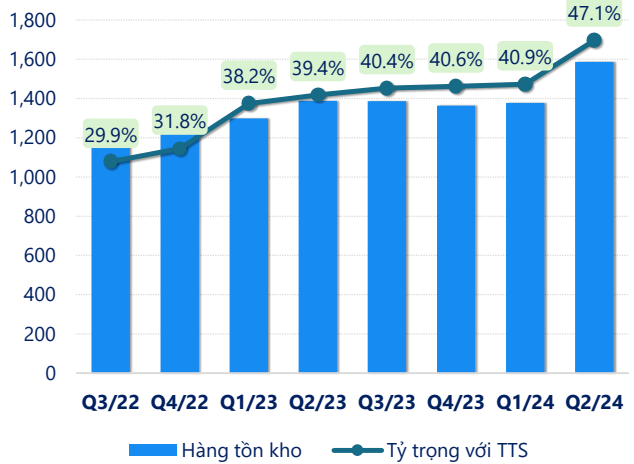
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


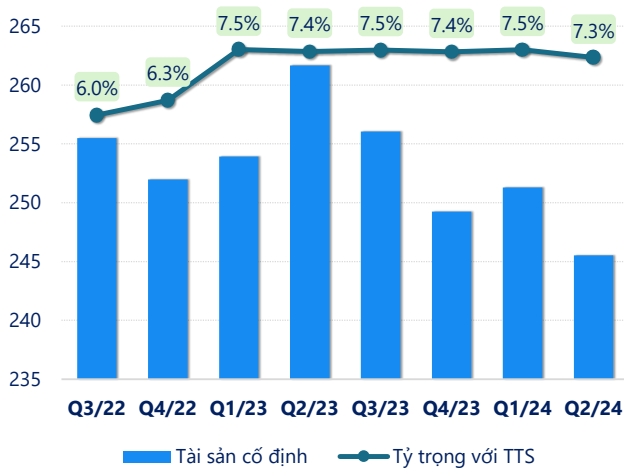
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


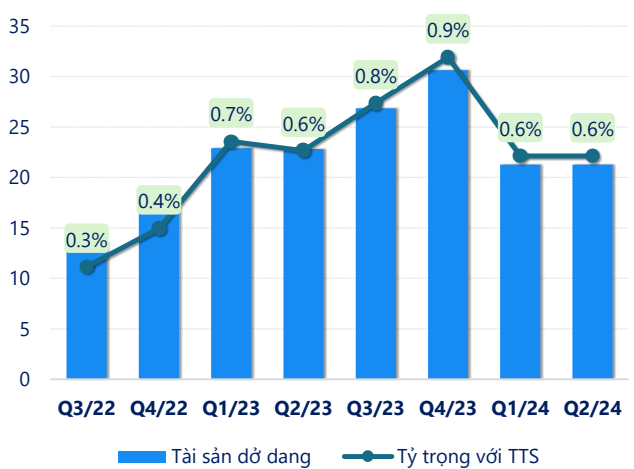
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

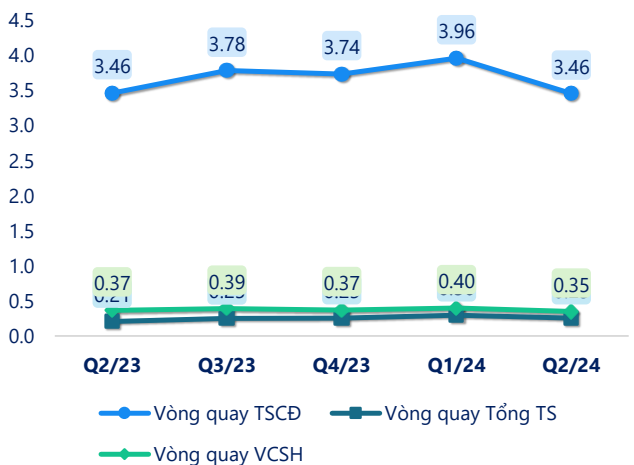
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	3,524	3,432	3,359	3,366	3,369
Tài sản ngắn hạn	3,046	2,962	2,875	2,896	2,910
Tiền và tương đương tiền	718	542	675	539	358
Đầu tư tài chính ngắn hạn	413	478	222	385	605
Phải thu ngắn hạn	311	331	437	423	285
Hàng tồn kho	1,388	1,386	1,364	1,377	1,587
Tài sản ngắn hạn khác	217	225	177	172	75.2
Tài sản dài hạn	478	470	484	469	458
Phải thu dài hạn	5.18	4.41	2.73	2.11	2.11
Tài sản cố định	262	256	249	251	246
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	22.8	26.8	30.6	21.3	21.3
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	22.0	46.9	46.9	46.9
Tài sản dài hạn khác	49.7	48.2	46.3	43.7	42.5
Lợi thế thương mại	116	112	108	104	100
Nợ phải trả	1,050	979	816	818	818
Nợ ngắn hạn	898	804	644	587	561
Vay và nợ thuê ngắn hạn	238	177	120	150	118
Phải trả người bán ngắn hạn	521	473	373	313	339
Nợ dài hạn	152	175	172	231	257
Vay và nợ thuê dài hạn	149	173	170	228	254
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,474	2,452	2,543	2,548	2,551
Vốn chủ sở hữu	2,474	2,452	2,543	2,548	2,551
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)